

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SA THẦY, TỈNH KON TUM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông, Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông, **Đỗ Hiền Lương;**

2. Bà, **Đỗ Thị Hải Lý.**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà, **Trần Thị Phụng-** cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy tham gia phiên tòa:
Ông, **Nguyễn Anh Nghĩa-** Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum. Tòa án nhân dân huyện Sa Thầy mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Viết V, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1992, tại Kon Tum;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, Thị trấn S.T, huyện S.T, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn T, sinh năm 1957, là cán bộ hưu trí và bà Nguyễn Thị T. H, sinh năm 1957, nghề nghiệp làm nông, cả hai hiện cư trú tại Thôn 1, Thị trấn S.T, huyện S.T, tỉnh Kon Tum; Gia đình bị cáo có 04 anh em; Bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Lê Việt T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn H.B, xã S.N, huyện S.T, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

*** Những người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Thị T. H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn 1, Thị trấn S.T, huyện S.T, tỉnh Kon Tum(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Lê Văn Q, sinh năm 1969.

Địa chỉ: H.B, xã S.N, huyện S.T, tỉnh Kon Tum(Có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn 1, Thị trấn S.T, huyện S.T, tỉnh Kon Tum(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Trần Viết V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố về hành vi phạm tội, như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/10/2017, Trần Viết V cùng Nguyễn Duy K uống cà phê quán Thiên đường điểm hẹn (Thôn 1, thị trấn S.T, huyện S.T, tỉnh Kon Tum), V nói với K “*Ngồi đây đợi anh về lấy điện thoại bỏ quên ở nhà*”, V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 82B1- 350.22 về nhà ở thôn 1, thị trấn S.T, huyện S.T, tỉnh Kon Tum, khi đến sau lưng trường Trung học phổ thông Q.T gặp nhóm thanh niên đứng ở đây gồm Lê Việt T, Dương Văn Đ và Nguyễn Ngọc V. Thấy V, T tưởng người quen gọi lại, V quay lại, thấy không phải người quen, T hỏi “*Mày tên gì? ở đâu?*”, V đáp “*Tên V ở gần đây*”, T hỏi tiếp “*Mày có biết V không?, V mà hồi xưa chém mày đó*”. V trả lời “*Chém thì sao*” rồi điều khiển xe đi được khoảng 20 mét, T nói lớn “*Nghe nói mày bản lĩnh lắm*”, V dừng xe nói lại “*Vậy bọn mày gọi đông đông vào*”. Vì bức tức nên V điều khiển xe về nhà lấy điện thoại di động và hai con dao (một con dao dài 42cm, một con dao dài 56cm) quay lại tìm nhóm của T để chém, đến nơi không thấy nhóm của T đâu nữa. V về quán cà phê Thiên đường điểm hẹn uống cà phê cùng K, khi tới cổng quán, V phát hiện nhóm của T đi trên xe mô tô đoạn gần cây xăng P.H đường Điện Biên Phủ, V vào quán nhờ K chờ đi, thấy V cầm hai con dao, K hỏi “*Đi đâu mà cầm dao vậy anh*”, V đáp “*Đi chặt cây về nhà có việc*”. Sau đó, K điều khiển xe mô tô chở V đi về hướng làng Kleng, thị trấn S. T như V chỉ dẫn. Khi gần đến ngã tư giao nhau giữa đường Điện Biên Phủ và đường Cù Chính Lan, K hỏi V “*Giờ đi đường nào anh*”, V trả lời “*Đi thẳng qua S.N*”, lúc này xe của T đang đi ở phía trước do V điều khiển chở Đ ngồi giữa và T ngồi sau cùng. Khi xe của K gần đến xe của T đoạn cách ngã tư khoảng 100 mét, thì bất ngờ V dùng dao rựa tay phải chém với một nhát vào khuỷu tay trái của T. Thấy vậy, V dừng xe lại, T và Đ nhảy xuống xe, T chạy ngược lại về hướng cây xăng P.H, Đ chạy về hướng làng Kleng được khoảng 10 mét thì ngã, V lao vào dùng tay phải quay phần sống dao đập hai cái vào lưng và khuỷu tay phải của Đ. Vừa lúc này, K chạy đến can ngăn không cho V chém Đ nữa, Đ tiếp tục chạy về hướng làng Kleng. K điều khiển xe chở V về nhà K, rồi V tự điều khiển xe về nhà cất dao và nghỉ ngơi. T được Vương chở đi sơ cứu tại Trung tâm Y tế huyện S.T và chuyển xuống Bệnh viện đa khoa tỉnh Kon Tum.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 132/TgT-TTPY ngày 23/10/2017 của Trung tâm Giám định pháp y tỉnh Kon Tum kết luận Lê Việt T bị:

- + *Gãy hở móm khuỷu trái đã mổ kết hợp xương ảnh hưởng đến gấp duỗi khuỷu tay trái: 13%;*
- + *Vết thương móm khuỷu tay trái còn chỉ khâu: 08%;*
- + *Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là: 19,96% làm tròn 20%(Viết bằng chữ: Hai mươi phần trăm).*

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSST ngày 30/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố Trần Viết V về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy luận tội bị cáo Trần Viết V và đề nghị áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Viết V từ 09(Chín) tháng tù đến 12(Mười hai) tháng tù; Về trách nhiệm dân sự, ngoài số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo Trần Viết V đã bồi thường, thì đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Trần Viết V bồi thường thêm cho người bị hại Lê Việt T số tiền 10.000.000 đồng; Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T.H vắng mặt, nên đối với số tiền 2.000.000 đồng, mà bà đã ra bồi thường, thì theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự, để đảm bảo quyền lợi cho bà, thì đề nghị Hội đồng xét xử tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, khi bà Nguyễn Thị T.H có yêu cầu; Còn ông Lê Văn Q không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét; Về xử lý vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng, cụ thể là: Một con dao rựa dài 56cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại có chiều dài 27cm, có một lưỡi sắc bén, mũi dao cong, cán dao được làm bằng le có chiều dài 29cm và một con dao có chiều dài 42cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại dài 28cm, mũi dao nhọn có một lưỡi sắc bén, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4,5cm, cán dao được làm bằng gỗ có chiều dài 14cm; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Lời khai của bị cáo Trần Viết V tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng và các tài liệu tại hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 19/10/2017, tại thôn 1, thị trấn S.T, huyện S.T, tỉnh Kon Tum, do bức tức vì lời nói khiêu khích “*Tướng mày bản lĩnh lắm*” của Lê Việt T, nên Trần Viết V đã dùng dao chém Lê Việt T trúng vào khuỷu tay trái, dẫn đến hậu quả Lê Việt T bị tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định: 20%, căn cứ theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 132/TgT-TTPY ngày 23/10/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Kon Tum.

Hành vi dùng dao gây thương tích của bị cáo Trần Viết V đối với người bị hại Lê Việt T, thuộc trường hợp “*Dùng hung khí nguy hiểm*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, mà bị cáo Trần Viết V coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, thực hiện hành vi cố ý gây

thương tích cho Lê Việt T, là trường hợp “*Có tính chất côn đồ*” theo điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo Trần Viết V đã gây ra thương tích cho Lê Việt T 20%, nhưng thuộc trường hợp “*Dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ*” theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Chính vì thế, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Viết V phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sa Thầy truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Viết V thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên áp dụng tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Viết V đã tích cực tác động để mẹ của bị cáo bà Nguyễn Thị T.H bồi thường người bị hại. Do vậy, áp dụng tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, người bị hại Lê Việt T cũng thấy có một phần lỗi và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, áp dụng cho bị cáo, là có căn cứ pháp luật.

So sánh hình phạt tù tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định “... từ hai năm đến bảy năm”, với hình phạt tù tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “... từ 02 năm đến 06 năm”, thì hình phạt tù tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhẹ hơn hình phạt tù tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt đối với bị cáo Trần Viết V là đúng với hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/ 6/ 2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo Trần Viết V, xét nhân thân của bị cáo Trần Viết V chưa có tiền án, tiền sự và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên. Cần phải xử phạt bị cáo Trần Viết V hình phạt tù có thời hạn, mức hình phạt nghiêm khắc, mới tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả bị cáo gây ra cho người bị hại.

Bị cáo Trần Viết V được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm

2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật. Đây chính là lý do mà Hội đồng xét xử quyết định hình phạt tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, để xử phạt đối với bị cáo Trần Viết V, là hoàn toàn thỏa đáng.

Trong vụ án này, Nguyễn Duy K không biết trước mục đích V nhờ chở đi để đánh, chém gây thương tích cho Lê Việt T, mà chỉ nghĩ V nhờ chở đi chặt cây về nhà có việc. Khi V thực hiện hành vi chém Đ, thì K đã có lời nói và hành động can ngăn không cho V tiếp tục chém Đ. Vì thế, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S.T không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Duy K, là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Dương Văn Đ bị Trần Viết V dùng súng dao rựa đập hai cái vào lưng và khuỷu tay phải, do chỉ bị xây sát nhẹ, nên Dương Văn Đ đã có đơn không yêu cầu giám định thương tích. Bởi vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S.T không xem xét giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị T.H là mẹ ruột của bị cáo Trần Viết V đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho người bị hại Lê Việt T.

Tại phiên tòa, người bị hại Lê Việt T yêu cầu, ngoài số tiền mà mẹ của bị cáo đã bồi thường cho anh vào ngày 25/10/2017 nêu trên, thì anh yêu cầu bị cáo Trần Viết V bồi thường thêm cho anh số tiền 10.000.000 đồng(gồm tiền chi phí điều trị viện phí là 7.000.000 đồng và tiền lấy vết sau 6 tháng là 3.000.000 đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Viết V tự nguyện thỏa thuận đồng ý bồi thường thêm cho người bị hại Lê Việt T số tiền 10.000.000 đồng, ngoài số tiền 2.000.000 đồng đã bồi thường.

Xét thấy, về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, thì giữa bị cáo Trần Viết V và người bị hại Lê Việt T đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này, theo đó bị cáo Trần Viết V tự nguyện thỏa thuận bồi thường thêm cho người bị hại Lê Việt T số tiền 10.000.000 đồng(Mười triệu đồng), ngoài số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng, mà bà Nguyễn Thị T.H đã bỏ ra bồi thường, nhưng tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T.H vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự, thì để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà, thì Hội đồng xét xử quyết định tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, khi bà Nguyễn Thị T.H có yêu cầu, là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Lê Văn Q không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- **Về xử lý vật chứng:** Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện S.T đã thu giữ:

+ Một xe mô tô biển kiểm soát 82B1- 350.22;

+ Một con dao rựa dài 56cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại có chiều dài 27cm, có một lưỡi sắc bén, mũi dao cong, cán dao được làm bằng le có chiều dài 29cm;

+ Một con dao có chiều dài 42cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại dài 28cm, mũi dao nhọn có một lưỡi sắc bén, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4,5cm, cán dao được làm bằng gỗ có chiều dài 14cm.

Ngày 16/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S.T đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại EXCITER, biển kiểm soát 82B1- 350.22 cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Văn T, là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015..

Riêng hai con dao, thì bà Nguyễn Thị T.H đề nghị tịch thu và tiêu hủy. Hội đồng xét xử, thấy rằng, hai con dao nêu trên, là công cụ, phương tiện phạm tội, cần phải tịch thu và tiêu hủy, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Bị cáo Trần Viết V phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Trần Viết V** phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Viết V** 01(Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 14/11/2017).

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận tại phiên tòa, về việc bị cáo Trần Viết V tự nguyện thỏa thuận bồi thường thêm cho người bị hại Lê Việt T số tiền 10.000.000 đồng(*Mười triệu đồng*), ngoài số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Viết V không chịu bồi thường số tiền nêu trên, thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tách số tiền 2.000.000 đồng, mà bà Nguyễn Thị T.H đã bỏ ra bồi thường, để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi bà Nguyễn Thị T.H có yêu cầu, là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu và tiêu hủy toàn bộ vật chứng là: Một con dao rựa dài 56cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại có chiều dài 27cm, có một lưỡi sắc bén, mũi dao cong, cán dao được làm bằng le có chiều dài 29cm và một con dao có chiều dài 42cm, lưỡi dao được làm bằng kim loại dài 28cm, mũi dao nhọn có một lưỡi sắc bén, phần rộng nhất của lưỡi dao là 4,5cm, cán dao được làm bằng gỗ có chiều dài 14cm (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/02/2018 giữa Công an huyện Sa Thầy và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sa Thầy).

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, Điều 6, Điều 23, Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Buộc bị cáo Trần Viết V bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng(*Hai trăm nghìn đồng*) và 500.000 đồng(*Năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Áp dụng các Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án(ngày 20/3/2018), bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có quyền gửi đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị T.H và anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bà H và anh T nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; TAND Cấp cao tại Đà Nẵng
- Công an huyện; Bị cáo;
- Người bị hại; Những người có QL&NVLQ;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tuấn

